

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

Mẫu số B 01-DN/HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi, bổ sung có  
liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2012	31/12/2011
			VND	VND
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.378.147.002.142</b>	<b>1.176.699.848.072</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>6.132.984.341</b>	<b>8.670.784.056</b>
1. Tiền	111	5	6.132.984.341	4.470.784.056
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4.200.000.000
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>45.726.751.221</b>	<b>45.376.707.554</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	45.726.751.221	45.376.707.554
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>880.340.195.362</b>	<b>709.771.270.903</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		434.183.336.215	448.191.368.680
2. Trả trước cho người bán	132		265.867.367.506	104.405.455.902
3. Các khoản phải thu khác	135	7	180.309.935.911	157.194.890.591
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(20.444.270)	(20.444.270)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>411.976.891.733</b>	<b>385.729.436.329</b>
1. Hàng tồn kho	141	8	412.066.991.254	385.819.535.850
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(90.099.521)	(90.099.521)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>33.970.179.485</b>	<b>27.151.649.230</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.989.376.118	2.071.244.316
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.866.566.504	4.056.844.584
3. Các khoản thuế phải thu Nhà nước khác	154	10	2.432.153.109	1.267.429.514
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	25.682.083.754	19.756.130.816
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>805.946.603.903</b>	<b>749.212.101.987</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>625.946.292.591</b>	<b>573.808.321.534</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	187.322.721.065	187.191.132.023
- Nguyên giá	222		245.137.293.826	240.822.584.195
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.814.572.761)	(53.631.452.172)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	1.141.040.098	1.193.414.170
- Nguyên giá	225		2.038.366.636	2.038.366.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(897.326.538)	(844.952.466)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	95.488.594.113	95.512.876.836
- Nguyên giá	228		95.795.093.510	95.795.093.510
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(306.499.397)	(282.216.674)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	341.993.937.315	289.910.898.505
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	16	<b>66.720.417.973</b>	<b>66.720.417.973</b>
- Nguyên giá	241		66.720.417.973	66.720.417.973
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>102.324.778.372</b>	<b>97.324.778.372</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8.045.308.861	8.045.308.861
2. Đầu tư dài hạn khác	258	17	94.279.469.511	89.279.469.511
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.955.114.967</b>	<b>11.358.584.108</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	8.431.632.998	8.333.160.833
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.187.681.969	2.689.623.275
3. Tài sản dài hạn khác	268	19	335.800.000	335.800.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.184.093.606.045</b>	<b>1.925.911.950.059</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 03 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã	Thuyết	31/03/2012	31/12/2011
	số	minh	VND	VND
<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.468.867.990.541</b>	<b>1.399.332.558.885</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>836.741.609.737</b>	<b>973.651.375.047</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	514.392.035.001	409.120.412.874
2. Phải trả cho người bán	312		182.523.149.974	222.062.308.707
3. Người mua trả tiền trước	313		20.236.550.001	31.127.713.630
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	25.644.677.497	21.744.877.664
5. Phải trả người lao động	315		4.329.079.594	4.489.222.185
6. Chi phí phải trả	316	22	29.578.480.542	26.729.304.327
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	23	59.213.410.488	257.511.809.020
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		824.226.640	865.726.640
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>632.126.380.804</b>	<b>425.681.183.838</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		327.000.000	327.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	24	409.182.684.632	203.520.351.300
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	25	9.216.696.172	8.433.832.538
9. Chứng khoán phát Hành	339		213.400.000.000	213.400.000.000
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>607.933.598.750</b>	<b>419.226.745.663</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>607.933.598.750</b>	<b>419.226.745.663</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	26	485.440.080.000	352.107.080.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	26	50.109.262.000	3.442.712.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	26	13.074.838.735	13.074.838.735
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	26	4.192.390.700	4.192.390.700
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420	26	55.117.027.315	46.409.724.228
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>			
<b>C LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>107.292.016.754</b>	<b>107.352.645.511</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>2.184.093.606.045</b>	<b>1.925.911.950.059</b>

**CÁC CHI TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

TT	CHỈ TIÊU		31/03/2012	31/12/2011
	Ngoại tệ các loại	USD	2.769.84	2.765.02



**Nguyễn Đình Trạc**

Gia Lai, ngày 18 tháng 05 năm 2012

**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Người lập biểu**

**Trần Thị Tinh Tú**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2012

Mẫu số B 03-DN/HN  
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,  
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	31/03/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	479.149.772.203	892.018.699.273
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(422.439.349.925)	(1.015.158.604.041)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.839.046.575)	(44.810.241.688)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(12.406.451.734)	(41.119.147.324)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(1.410.292.260)	(5.158.929.414)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	92.380.935.970	278.979.640.617
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(596.885.726.369)	(202.216.511.795)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(468.450.158.690)</b>	<b>(137.465.094.372)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(10.339.522.741)	(227.384.780.634)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	1.770.598.507	3.063.036.192
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.927.370.000)	(46.269.752.603)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	4.906.000.000	6.614.359.859
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.402.000.000)	(16.420.316.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(3.321.987.666)	30.647.874.360
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(17.314.281.900)</b>	<b>(249.749.578.826)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	182.401.550.000	7.301.240.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	426.977.533.580	971.041.778.671
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(123.363.346.040)	(590.364.524.464)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.911.971.137)	(5.635.000.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(877.125.528)	(3.575.467.499)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>483.226.640.875</b>	<b>378.768.026.708</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(2.537.799.715)</b>	<b>(8.446.646.490)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>8.670.784.056</b>	<b>17.120.367.903</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>(2.937.357)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>6.132.984.341</b>	<b>8.670.784.056</b>

Tổng Giám đốc  
  
Nguyễn Đình Trác

Gia Lai, ngày 18 tháng 05 năm 2012

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thanh Tùng

Người lập biểu

  
Trần Thị Tinh Tú

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### **1. Đặc điểm hoạt động**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai (tên giao dịch bằng tiếng Anh là Duc Long Gia Lai Group JSC, sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900415863 ngày 13 tháng 06 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 10/10/2011. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

#### ***Ngành nghề kinh doanh chính***

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (Chi tiết: Gia công cao su mũ cốm);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa biết phân vào đâu (Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa biết phân vào đâu (Chi tiết: Mua bán cao su mũ cốm);
- Sản xuất săm, lốp cao su, đắp và tái chế lốp cao su;
- Hoạt động quản lý quỹ (Chi tiết: Quản lý quỹ chung);
- Trồng cây cao su; Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Vận tải bằng xe buýt; Dịch vụ ăn uống khác;
- Khai thác quặng sắt; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ); Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị); Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao (Chi tiết: Phát hành vé xem thi đấu thể thao);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (Chi tiết: Mua bán phân bón);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành: Cầu đường, dân dụng và công nghiệp);
- Cơ sở lưu trú khác (Chi tiết: Khách sạn); Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến (Chi tiết: Mua bán gỗ có nguồn gốc hợp pháp);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động công ty nắm giữ tài sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác;
- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu); Đại lý mua bán các chất bôi trơn làm sạch động cơ;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động thể thao khác; Quảng cáo; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Cắt tạo đá và hoàn thiện đá (Chi tiết: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng); Chế biến khoáng sản;
- Hoạt động tư vấn quản lý.

**Các Công ty con được hợp nhất****✓ Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô C4, đường số 4, KCN Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Cưa xẻ bào gỗ và bảo quản gỗ; Mua bán gỗ các loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Tư vấn thiết kế về trang trí nội thất; Mua bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,25%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

**✓ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải bằng đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt; Vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng; Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ ăn uống khác; Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn tổng hợp; Hoạt động vui chơi, giải trí khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Cho thuê văn phòng; Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng; Vận tải hành khách theo hợp đồng; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.
- Vốn điều lệ: 20.699.940.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 54,67%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

**✓ Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6 Khu Công Nghiệp Trà Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá; Cắt tạo đá và hoàn thiện đá; Sản xuất đá chẻ, cắt đá theo yêu cầu xây dựng; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt.
- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 66,67%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty TNHH Cung ứng Nguyên vật liệu vật tư & Thiết bị Đức Long Gia Lai**
  - Địa chỉ trụ sở chính: 02 Đặng Trần Côn, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Mua bán vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Mua bán kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Mua bán máy móc, thiết bị chế biến gỗ, chế biến đá.
  - Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 100,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện năng Đức Long Gia Lai**
  - Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện lớn; Đầu tư xây dựng, vận hành các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Xây dựng các công trình thủy lợi, đập, hệ thống tưới tiêu; Xây dựng công trình thủy công thuộc công trình thủy điện lớn; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp; Đầu tư cung cấp nước sạch, Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chế biến vật liệu xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khoan phụt, xử lý và gia cố nền móng công trình xây dựng; Xây dựng nhà các loại; Đầu tư, xây dựng, quản lý khu du lịch sinh thái; Nuôi trồng thủy sản; Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy nông; Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện.
  - Vốn điều lệ: 90.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai**
  - Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Thành phố Pleiku.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Lắp đặt công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình giao thông, công trình hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Sản xuất, chế tạo vật tư, cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Mua bán vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường; Quảng cáo; Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất; Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh; Đầu tư, quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy điện, thủy lợi; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật khác; Xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi; Phá dỡ công trình; Chuẩn bị mặt bằng xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công, các công trình công nghiệp, dân dụng và nhà máy thủy điện.
  - Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Dịch vụ Công cộng Đức Long Bảo Lộc**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Địa chỉ trụ sở chính: Phường Lộc Sơn, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Vận tải khách bằng xe buýt, vận tải khách theo tuyến cố định; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đầu tư xây dựng bên bãi; Dịch vụ ăn uống; Đại lý mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan; Đại lý mua bán chất bôi trơn và làm sạch động cơ; Dịch vụ lưu trú; Bán buôn tổng hợp; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe.
  - Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 56,56%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Trồng rừng và cây Công nghiệp Đức Long Gia Lai**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng cây cao su; Trồng cây lâu năm khác; Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác gỗ rừng trồng; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xử lý hạt giống để nhân giống.
  - Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 95,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai**
- Địa chỉ trụ sở chính: 5/21 Nguyễn Cửu Đàm, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, Tp HCM.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.
  - Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Đức Long Gia Lai**
- Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Sản xuất, mua bán hàng trang trí nội thất (không sản xuất tại trụ sở); Mua bán hàng kim khí điện máy, hàng thủ công mỹ nghệ, gốm, sứ, văn phòng phẩm, thiết bị văn phòng; Khai thác khoáng sản (không khai thác tại trụ sở); Kinh doanh vận chuyển hàng bằng ô tô; Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán). Lập tổng dự toán và dự toán. Tư vấn đấu thầu. Quản lý dự án. Cho thuê máy móc – thiết bị công trình xây dựng; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng (không kinh doanh khách sạn, nhà hàng tại trụ sở); Kinh doanh dịch vụ quảng cáo. Dịch vụ giữ xe. Dịch vụ cầm đồ. Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế. Đào tạo nghề.
  - Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%.
  - Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.
- ✓ **Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Nam Nguyên**
- Địa chỉ trụ sở chính: 308 – 310, Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
  - Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán thiết bị. Lắp đặt hệ thống điện lạnh. Mua bán, sửa chữa máy móc, thiết bị ngành điện lạnh (không tái chế phế thải, gia công cơ khí, và xi mạ điện tại trụ sở); Môi giới thương mại, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình đường bộ. Xây dựng công trình công ích; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.

- Vốn điều lệ: 9.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

**✓ Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Minh Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác quặng sắt, quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm (không khai thác tại tỉnh Gia Lai); Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất các sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại: các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ, công trình công ích, công trình công nghiệp và công trình dân dụng kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

**✓ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Cầu đường Phước Hoàng Long**

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối phố 3, Thị trấn Phú Hòa, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng công trình đường bộ; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Xây dựng nhà các loại; Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá: Sản xuất đá chẻ, cắt đá tạo hình theo yêu cầu xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ công trình; Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị chuyên dùng và phụ tùng ngành cầu đường, dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Khai thác đá Granit, đá Bazan.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 80,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

**✓ Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất đá chẻ, cắt đá theo yêu cầu xây dựng; Mua bán kim loại và quặng kim loại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Mua bán vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Vận tải hàng; Bốc xếp hàng hóa; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Xây dựng các loại công trình: thủy lợi, công nghiệp, đường bộ, điện đến 35 KV.
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**✓ Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Đăk Nông**

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác: Đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất: sắt, thép, gang; Đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT và BT); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy; Bán buôn chuyên doanh khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 65,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

**✓ Công ty Cổ phần BOT và BT Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: 782 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Đầu tư xây dựng công trình giao thông, khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại không chứa sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Khai khoáng chưa được phân vào đâu; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc kim loại; Sản xuất sản phẩm bằng kim loại, các dịch vụ xử lý, gia công kim loại; Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy, bán buôn chuyên dụng khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 210.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 70,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

**✓ Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Đức Long Gia Lai**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 30 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh; Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất sắt, thép, gang; Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim loại; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Đầu tư xây dựng công trình giao thông (theo hình thức BOT & BT).
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**✓ Công ty Cổ phần Đức Long Đà Nẵng**

- Địa chỉ trụ sở chính: 47 Bê Văn Đàn, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Kinh doanh vận tải khách theo tuyến cố định. Kinh doanh vận tải hàng, đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe; Dịch vụ ăn uống. Kinh doanh khách sạn, du lịch nhà nghỉ; Dịch vụ vui chơi, giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke); Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, công trình công ích, công trình kỹ thuật. phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng. mua bán sắt thép; Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng. kinh doanh xăng tại Quốc lộ 1a, xã Hòa Phước huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng.
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 85,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/03/2012 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

**✓ Công ty Cổ phần Xây dựng Giao Thông Mười Tùng**

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Hòa Bình, Thị trấn Nhơn Hòa, Huyện Chư Pưh, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình công nghiệp; Đầu tư, xây dựng công trình (theo hình thức BOT & BT); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 51,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/03/2012 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

**✓ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Đức Long Gia Lai.**

- Địa chỉ trụ sở chính: 120 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Giáo dục tiểu học; Giáo dục thể thao và giải trí; Giáo dục văn hóa nghệ thuật; Giáo dục khác chưa được phân vào đâu; Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.
- Vốn điều lệ: 65.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 55,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/03/2012 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

**✓ Công ty Cổ phần Điện Đức Long Tà Nung Đà Lạt.**

- Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 9, Thôn 4, Xã Tà Nung, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; (Công trình đường bộ, thủy lợi, thủy điện, công trình cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, giao thông, hạ tầng cơ sở, đường dây và trạm biến áp đến 35KV); Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống điện; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Xây dựng công trình công ích; Hoàn thiện công trình xây dựng; Lập dự án thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường, công trình hạ tầng cơ sở. Sản xuất, chế tạo, kinh doanh vật tư cơ khí, thiết bị điện, điện tử, thiết bị thông tin liên lạc, tự động hóa chuyên ngành cho các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước sạch, xử lý nước thải, môi trường. Sản xuất vật liệu xây dựng và trang thiết bị nội, ngoại thất

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

(không bao gồm hoạt động chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng). Dịch vụ lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các mặt hàng công ty kinh doanh. Đầu tư quản lý các dự án công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện (không bao gồm môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, kinh doanh bất động sản). Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Cung cấp, lắp đặt thiết bị cơ điện, cơ khí thủy công các công trình thủy điện lớn và các công trình vừa và nhỏ. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Xây dựng vỏ bao che công trình công nghiệp. Đầu tư cung cấp nước sạch, chế biến vật liệu xây dựng. Khoan phụt, xử lý và gia cố nền móng công trình xây dựng. Đầu tư xây dựng và quản lý khu du lịch sinh thái. Chế tạo, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy nông. Chế tạo, lắp đặt thiết bị thủy điện.

- Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty mẹ sở hữu: 60,00%
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/03/2012 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.
- Các Công ty liên kết

✓ **Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Gia Lai.**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 53 Quang Trung, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng đô thị; Khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn; Lập dự án khả thi, tiền khả thi, báo cáo đầu tư; Thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán; Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định hồ sơ dự án, thiết kế, dự toán do đơn vị khác lập; Giám sát kỹ thuật thi công, quản lý dự án; Thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm tra chất lượng xây dựng công trình; Thi công xây lắp các công trình; Thiết kế các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện nhỏ; Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp.
- Vốn điều lệ: 2.961.000.000 đồng. Trong đó Công ty sở hữu: 20,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

✓ **Công ty Cổ phần Đức Long Tây Nguyên.**

- Địa chỉ trụ sở chính: 117-119-121 Trần Phú, Phường Diên Hồng, Tp Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Sản xuất sắt, thép, gang; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng cây cao su; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Chăn nuôi trâu, bò; Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao; Đúc sắt, thép; Casting đúc và hoàn thiện đá; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc kim loại màu; Chăn nuôi dê, cừu; Chăn nuôi lợn.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng. Trong đó Công ty sở hữu: 40,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đến thời điểm 31/03/2012 chưa đi vào hoạt động kinh doanh.

**2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan; Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

##### **Các công ty con**

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### **Các công ty liên kết**

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

##### **Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát**

Các cơ sở kinh doanh chịu đồng kiểm soát là các cơ sở kinh doanh mà Công ty cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận. Khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát và ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày Công ty kết thúc quyền đồng kiểm soát.

##### **Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch nội bộ và lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại bỏ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **4.2 Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**4.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế của Ngân hàng mà Công ty giao dịch tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

**4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.7 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.8 Tài sản cố định hữu hình****Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 12
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8

**4.9 Tài sản cố định vô hình**

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đi thuê đất).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

**Các tài sản cố định vô hình khác**

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3 - 5

**4.10 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

**4.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**4.12 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

**4.13 Chi phí vay**

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong năm.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

**4.14 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

**4.15 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
  - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

**4.17 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.  
Các Công ty con được hưởng các ưu đãi về thuế như sau:
  - Công ty TNHH Khai thác và Chế biến đá Granit Đức Long Gia Lai được áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 15% trong vòng 8 năm (từ năm 2008 đến 2015) và giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 6 năm tiếp theo kể từ năm 2008. (Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư số 39221000010 ngày 20/12/2007 của Ban quản lý các KCN Tỉnh Gia Lai).
  - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 25% lợi nhuận thu được. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000119 ngày 12 tháng 01 năm 2011 của UBND Tỉnh Gia Lai, Công ty được miễn thuế Thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007) và giảm 50% cho 04 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	4.302.643.080	3.140.355.464
Tiền gửi ngân hàng	1.830.341.261	1.330.428.592
Các khoản tương đương tiền		4.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.132.984.341</b>	<b>8.670.784.056</b>

**6. Đầu tư ngắn hạn**

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác(gửi tiết kiệm ngân hàng)	1.000.000.000	1.000.000.000
Cho vay ngắn hạn	44.726.751.221	44.376.707.554
<b>Cộng</b>	<b>45.726.751.221</b>	<b>45.376.707.554</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**7. Các khoản phải thu khác**

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Lãi dự thu	10.328.300	58.333.334
Các khoản phải thu khác	180.299.607.611	157.136.557.257
<b>Cộng</b>	<b>180.309.935.911</b>	<b>157.194.890.591</b>

**8. Hàng tồn kho**

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	123.240.070.514	109.864.686.549
Công cụ dụng cụ	316.146.835	6.379.580.137
Chi phí SXKD dở dang	163.581.358.048	153.979.985.359
Thành phẩm	37.040.449.298	31.265.371.675
Hàng hóa	87.888.966.559	84.329.912.130
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(90.099.521)	(90.099.521)
<b>Cộng</b>	<b>411.976.891.733</b>	<b>385.729.436.329</b>

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	164.975.229	1.349.943.948
Chi phí ngắn hạn chờ phân bổ	1.824.400.889	721.300.368
<b>Cộng</b>	<b>1.989.376.118</b>	<b>2.071.244.316</b>

**10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế GTGT nộp thừa		1.267.429.514
- Thuế GTGT	2.228.954.053	1.064.230.458

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước(Tiếp theo)**

- Thuế Thu nhập DN	47.440.376	47.440.376
+ Tiền thuê đất, thuế nhà đất	155.758.680	155.758.680
<b>Cộng</b>	<b>2.432.153.109</b>	<b>1.267.429.514</b>

**11. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tạm ứng	25.618.583.754	19.692.630.816
- Các cá nhân khác	25.618.583.754	
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	63.500.000	63.500.000
<b>Cộng</b>	<b>25.682.083.754</b>	<b>19.756.130.816</b>

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, Vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	151.138.276.403	59.816.845.931	28.112.049.760	1.694.912.101	60.500.000	240.822.584.195
Tăng trong năm	4.362.609.631	12.600.000	-	-	-	4.375.209.631
Giảm trong năm	-	-	-	-	60.500.000	60.500.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>155.500.886.034</b>	<b>59.829.445.931</b>	<b>28.112.049.760</b>	<b>1.694.912.101</b>	<b>-</b>	<b>245.137.293.826</b>
<b>Khấu hao</b>						
Số đầu năm	23.611.347.026	18.418.516.565	10.912.957.418	659.506.165	29.124.998	53.631.452.172
Tăng trong năm	1.677.739.405	1.542.787.916	903.210.517	88.507.749	5.041.666	4.217.287.253
Giảm trong năm	-	-	-	-	34.166.664	34.166.664
<b>Số cuối năm</b>	<b>25.289.086.431</b>	<b>19.961.304.481</b>	<b>11.816.167.935</b>	<b>748.013.914</b>	<b>-</b>	<b>57.814.572.761</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	127.526.929.377	41.398.329.366	17.199.092.342	1.035.405.936	31.375.002	187.191.132.023
<b>Số cuối năm</b>	<b>130.211.799.603</b>	<b>39.868.141.450</b>	<b>16.295.881.825</b>	<b>946.898.187</b>	<b>-</b>	<b>187.322.721.065</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***13. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>P.tiện vận tải truyền dẫn VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	-	4.495.509.493	4.495.509.493
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	2.457.142.857	2.457.142.857
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>2.038.366.636</b>	<b>2.038.366.636</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-	1.857.468.657	1.857.468.657
Tăng trong năm	-	296.849.358	296.849.358
Giảm trong năm	-	1.256.991.477	1.256.991.477
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>897.326.538</b>	<b>897.326.538</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	-	2.638.040.836	2.638.040.836
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.141.040.098</b>	<b>1.141.040.098</b>

**14. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất lâu dài VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	95.255.882.814	539.210.696	95.795.093.510
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>95.255.882.814</b>	<b>539.210.696</b>	<b>95.795.093.510</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-	292.614.533	292.614.533
Tăng trong năm	-	13.884.864	13.884.864
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>306.499.397</b>	<b>306.499.397</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	95.255.882.814	246.596.163	95.502.478.977
<b>Số cuối năm</b>	<b>95.255.882.814</b>	<b>232.711.299</b>	<b>95.488.594.113</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các dự án cao su	140.327.368.436	112.449.867.280
Các dự án bến xe	80.814.140.003	75.177.126.857
Các dự án thủy điện	9.744.318.746	20.132.060.949
Các dự án mỏ	3.887.389.457	3.833.845.350
Các dự án khác	107.220.720.673	78.317.998.069
<b>Cộng</b>	<b>341.993.937.315</b>	<b>289.910.898.505</b>

**16. Bất động sản đầu tư**

Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**17. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
<b>- Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>8.045.308.861</b>	<b>8.045.308.861</b>
+ Góp vốn cho Cty TVTK Xây dựng giao thông Gia Lai	8.045.308.861	8.045.308.861
<b>- Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>94.279.469.511</b>	<b>89.279.469.511</b>
+ Góp vốn vào công ty Bảo vệ Tây Bình Tây Sơn	5.600.000.000	5.600.000.000
+ Trái phiếu ngân hàng công thương	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Cho vay dài hạn Cty TNHH Đức Long Dung Quất	45.981.253.105	40.981.253.105
+ Cho cá nhân vay	32.698.216.406	32.698.216.406
<b>Cộng</b>	<b>102.324.778.372</b>	<b>97.324.778.372</b>

**18. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.489.773.572	2.397.820.920
Chi phí dài hạn chờ phân bổ	2.941.859.426	5.935.339.913
<b>Cộng</b>	<b>8.431.632.998</b>	<b>8.333.160.833</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**19. Tài sản dài hạn khác**

	31/03/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản ký quỹ, ký cược(Công ty cho thuê Tài chính II)	149.400.000	151.400.000
Khoản ký quỹ môi trường	186.400.000	184.400.000
<b>Cộng</b>	<b>335.800.000</b>	<b>335.800.000</b>

**20. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/03/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>407.233.153.664</b>	<b>370.001.027.068</b>
- Ngân hàng Công Thương Gia Lai	50.321.000.000	49.121.000.000
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai	341.576.785.640	310.290.224.826
- Ngân hàng GPBank - CN Gia Lai	400.000.000	400.000.000
- Ngân hàng Ngoại Thương Gia Lai	6.635.000.000	6.635.000.000
- Ngân hàng Eximbank_CN Tân Sơn Nhất	5.000.000.000	
- Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Đắknong	850.000.000	850.000.000
- Vay cá nhân	2.450.368.024	2.704.802.242
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>107.158.881.337</b>	<b>39.119.385.806</b>
- Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Gia Lai	21.480.000.000	35.490.908.274
- Ngân hàng Đầu tư và PT VN - CN Đắknong	150.000.000	315.000.000
- Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Đắknong	500.000.000	500.000.000
- Ngân hàng Thương mại CP Sài Gòn Thương Tín CN TPHCM	82.666.666.668	312.000.000
- Ngân hàng Sài Gòn Thương tín - CN Gia Lai	234.000.000	
- Ngân hàng Thương mại CP Kỹ Thương VN - CN Gia Lai	215.673.137	290.736.000
- Ngân hàng Thương mại CP XNK VN_CN Tân Sơn Nhất	750.600.000	1.000.800.000
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - CN TPHCM	1.161.941.532	811.941.532
- CN Công ty cho thuê tài chính II tại khánh Hòa	-	398.000.000
<b>Cộng</b>	<b>514.392.035.001</b>	<b>409.120.412.874</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/03/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
+ Thuế GTGT đầu ra	5.569.797.502	3.712.653.604
+ Thuế Thu nhập cá nhân	248.628.337	192.608.113
+ Thuế Thu nhập doanh nghiệp	16.887.058.281	14.770.895.301
+ Thuế Tài nguyên	242.962.341	323.613.732
+ Tiền thuê đất, thuế nhà đất	2.621.521.500	2.621.521.500
+ Tiền xuất nhập khẩu	0	
+ Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	74.709.536	123.585.414
<b>Cộng</b>	<b>25.644.677.497</b>	<b>21.744.877.664</b>

**22. Chi phí phải trả**

	<b>31/03/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Lãi vay phải trả	28.430.784.785	25.536.048.327
- Trích trước chi phí công trình bến xe Đà Nẵng	201.518.231	578.000.000
- Chi phí trích trước của công trình xây lắp	285.256.000	285.256.000
- Chi phí khác	660.921.526	330.000.000
<b>Cộng</b>	<b>29.578.480.542</b>	<b>26.729.304.327</b>

**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/03/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
+ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	857.327.748	659.482.311
+ Bảo hiểm thất nghiệp	69.516.523	51.725.557
+ Kinh phí công đoàn	42.900.824	39.041.714
+ Tạm ứng (dư có)	0	7.753.997
+ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	203.400.000	239.400.000
+ Cổ tức phải trả	771.147.955	771.147.955
+ Các khoản phải trả. Phải nộp khác	57.269.117.438	255.743.257.486
<b>Cộng</b>	<b>59.213.410.488</b>	<b>257.511.809.020</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***24. Vay và nợ dài hạn**

	31/03/2012 VND	31/12/2011 VND
a. Vay dài hạn	408.987.284.632	203.324.951.300
+ Ngân hàng Công thương Gia Lai(1)	79.995.000.000	65.708.000.000
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai(2)	112.927.152.300	91.365.152.300
+ Ngân hàng Sài Gòn thương Tín CN Gia Lai(3)	17.284.400.000	12.554.400.000
+ Ngân hàng TMCP Việt A - CN Quảng Ngãi(4)	27.074.803.000	27.074.803.000
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam- CN Gia Lai(5)	528.166.000	528.166.000
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển ĐakNong(6)	512.830.000	512.830.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển VN - CNĐakNong(6)		250.000.000
+ Ngân hàng Sacombank Chi nhánh TPHCM(7)	165.333.333.332	
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực - CN TPHCM	3.500.000.000	3.500.000.000
+ Ngân hàng TMCP XNK VN_CN Tân Sơn Nhất(8)	1.831.600.000	1.831.600.000
b. Nợ dài hạn	195.400.000	195.400.000
- CN Công ty Thuế tài chính II tại Khánh Hòa	195.400.000	195.400.000
<b>Cộng</b>	<b>409.182.684.632</b>	<b>203.520.351.300</b>

**25. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/03/2012 VND	31/12/2011 VND
- Doanh thu bán căn hộ	7.946.891.699	7.946.891.699
- Doanh thu cho thuê cây xăng	343.636.365	372.272.731
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	127.168.108	
- Lãi trái phiếu Ngân hàng Công Thương	799.000.000	114.668.108
<b>Cộng</b>	<b>9.216.696.172</b>	<b>8.433.832.538</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**26. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư	Quỹ đầu tư	Quỹ dự phòng	LN sau thuế
	VND	vốn CP VND	phát triển VND	tài chính VND	chưa phân phối VND
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>291.000.000.000</b>	<b>13.335.942.000</b>	<b>6.303.832.983</b>	<b>1.667.966.786</b>	<b>84.757.959.290</b>
Tăng trong năm	61.107.080.000		6.771.005.752	2.524.423.914	
Lợi nhuận tăng trong năm					27.353.447.877
Giảm trong năm					
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>352.107.080.000</b>	<b>3.442.712.000</b>	<b>13.074.838.735</b>	<b>4.192.390.700</b>	<b>46.409.724.228</b>
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>352.107.080.000</b>	<b>3.442.712.000</b>	<b>13.074.838.735</b>	<b>4.192.390.700</b>	<b>46.409.724.228</b>
Tăng trong kỳ	133.333.000.000	46.666.550.000	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ		-	-	-	9.599.922.079
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	892.618.992
<b>Số dư tại 31/03/2012</b>	<b>485.440.080.000</b>	<b>50.109.262.000</b>	<b>13.074.838.735</b>	<b>4.192.390.700</b>	<b>55.117.027.315</b>

**b. Cổ phiếu**

	31/03/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	48.544.008	35.210.708
- Cổ phiếu thường	48.544.008	35.210.708
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	48.544.008	35.210.708
- Cổ phiếu thường	48.544.008	35.210.708
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.544.008	35.210.708
- Cổ phiếu thường	48.544.008	35.210.708
- Cổ phiếu ưu đãi		-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**27. Doanh thu**

	Quý I năm 2012 VND	Quý I năm 2011 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>260.414.645.017</b>	<b>203.833.866.711</b>
- Doanh thu bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	67.205.317.282	95.319.810.015
- Doanh thu bán phân bón	157.713.333.332	14.191.666.667
- Doanh thu công trình Xây dựng	11.984.118.538	77.117.046.033
- Doanh thu cho thuê tài sản	779.177.232	
- Doanh thu bán hàng	11.805.693.550	7.276.942.377
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.320.673.328	3.475.734.693
- Doanh thu bán đá	847.012.798	2.286.775.346
- Doanh thu bán điện	1.225.521.400	
- Doanh thu dịch vụ bến xe và xe buýt	5.533.797.557	4.165.891.580
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>5.947.133.636</b>	-
- Hàng bán bị trả lại(sản phẩm từ gỗ)	5.947.133.636	
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>254.467.511.381</b>	<b>203.833.866.711</b>

**28. Giá vốn hàng bán**

	Quý I năm 2012 VND	Quý I năm 2011 VND
<b>Giá vốn hàng hóa đã cung cấp</b>	<b>224.878.542.379</b>	<b>167.995.616.993</b>
- Giá vốn bán gỗ, sản phẩm từ gỗ	50.871.796.218	94.811.589.150
- Giá vốn bán phân bón	157.544.285.715	13.684.285.714
- Giá vốn công trình Xây dựng	6.252.458.845	48.946.795.486
- Giá vốn cho thuê tài sản	722.610.293	
- Giá vốn bán hàng	3.933.042.459	5.311.820.205
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	2.398.104.738	2.599.518.134
- Giá vốn bán đá	531.706.549	1.678.521.727
- Giá vốn bán điện	637.406.237	
- Giá vốn dịch vụ bến xe và xe buýt	1.987.131.325	963.086.577
<b>Cộng</b>	<b>224.878.542.379</b>	<b>167.995.616.993</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.814.780.947	459.936.948
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	932	128.968.712
Lãi trái phiếu ngân hàng Công thương	365.500.000	279.750.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	175.005.000	9.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.355.286.879</b>	<b>877.655.660</b>

**30. Chi phí hoạt động tài chính**

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.532.684.673	5.806.374.729
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	0	352.067.549
Lãi trái phiếu	6.935.500.000	0
Lãi thuê tài chính	28.432.470	13.802.130
<b>Cộng</b>	<b>12.496.617.143</b>	<b>6.172.244.408</b>

**31. Thu nhập khác**

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
	VND	VND
Thu nhượng bán, thanh lý TSCĐ	10.000.000	1.337.536.064
Bán lịch	10.652.273	124.789.896
Thu cho thuê tài sản	0	377.685.786
Thu bán trang phục	47.022.727	
Thu khác	51.818.185	240.699.778
<b>Cộng</b>	<b>119.493.185</b>	<b>2.080.711.524</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***32. Chi phí khác**

	Quý I năm 2012 VND	Quý I năm 2011 VND
Thanh lý TSCĐ	0	2.575.552.450
Nộp phạt thuế, phạt nộp chậm	15.743.844	153.039.855
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	25.569.786	0
Chi phí khác	89.702.139	269.064.665
<b>Cộng</b>	<b>131.015.769</b>	<b>2.997.656.970</b>

**33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế**

	Quý I năm 2012 VND	Quý I năm 2011 VND
<b>Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>12.060.743.597</b>	<b>22.118.388.232</b>
Các khoản điều chỉnh để xác định thu nhập chịu thuế	(3.559.764.200)	115.500
Điều chỉnh tăng	123.742.910	115.500
+ Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	25.538.924	115.500
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	98.203.986	
Điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	3.683.507.110	-
+ Cổ tức được nhận	3.683.507.110	
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>8.500.979.397</b>	<b>22.118.503.732</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.417.737.740	6.195.282.361
<i>Thuế TNDN được giảm (trừ dài đầu tư) 50%</i>	0	249.481.029
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước điều chỉnh trong năm nay		5.945.801.332
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	3.417.737.740	
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.415.257.884	
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>10.058.263.741</b>	<b>16.172.586.900</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

**34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.636.116.550	15.521.754.343
Các khoản điều chỉnh để xác định LN phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	0	
Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	9.636.116.550	15.521.754.343
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	48.544.008	29.100.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>198,50</b>	<b>533,39</b>

**35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

**36. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi AAC.

Đồng Giám đốc  
Kế toán trưởng  
Người lập biểu

Nguyễn Đình Trạc  
Nguyễn Thanh Tùng

Gia Lai, ngày 18 tháng 05 năm 2012